

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HS-ST

Ngày: 18-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

Bà Võ Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Tý, bà Nguyễn Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2023/HSST ngày 19 tháng 04 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/QĐHST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh K; Sinh ngày: 23/10/1999; Nơi sinh: T - Long An; Nơi cư trú: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 và bà Lê Thị T, sinh năm 1980; chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 15/02/2019, bị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 750.000 đồng, bị cáo chưa

đóng phạt; Ngày 26/9/2019, bị Công an xã N, huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 750.000 đồng, bị cáo chưa đóng phạt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2022, chuyển tạm giam kể từ ngày 30/12/2022 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện T (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Gia H; 03/01/2006; Nơi sinh: huyện T, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con của ông Nguyễn Văn Giúp E, sinh năm 1978 và bà Trần Thị Ú, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/7/2023, đến ngày 28/7/2023 bị tạm giam đến nay (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Phước L; Sinh ngày: 04/6/2005; Nơi sinh: huyện T, tỉnh Long An; Nơi cư trú: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con của ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1983 và Nguyễn Thị L2, sinh năm 1987; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Gia H và Nguyễn Phước L:* Bà Phạm Thị Mai T1 –Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T13 – Sở tư pháp tỉnh Long An. Địa chỉ: Số B, đường số A, phường F, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi bài bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Gia H và Nguyễn Phước L).

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Gia H:*

+ Ông Nguyễn Ngọc Giúp E1, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

+ Bà Trần Thị Ú, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Phước L:*

+ Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

- Bị hại:

+ Bà Phan Thị D, sinh năm: 1962. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1951. Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Huỳnh Thanh Q, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Huỳnh Hữu T2, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Bùi Hoàng S, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Lê Văn C1, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Minh T4, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Ngô Văn H1, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Ngọc Giúp E1, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

+ Bà Trần Thị Ú, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

+ Ông Thái Văn T5, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/12/2022, Nguyễn Minh K, Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L đang ở nhà của K tại ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Long An thì N1 (không rõ nhân thân, lai lịch) là bạn của K, đến nhà K đòi số tiền 1.500.000 đồng K mượn N1 trước đó. K hẹn N1 19 giờ cùng ngày sẽ trả tiền cho N1. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, K không có tiền để trả cho N1 nên có ý định trộm cắp tài sản là M1 (Mô tơ) điện bán cho N1 để trừ nợ. Sau đó, K kêu Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L đi tìm Motor của người dân để sơ hở để lấy trộm bán cho N1. H, L đồng ý. K kêu L, H lấy xe mô tô, biển số 62AA-003.43, số khung: C508527182, số máy: C50E8527340 của ông Nguyễn Văn C (cha ruột K) đi trộm cắp tài sản. Sau đó, L điều khiển xe mô tô chở H ngồi phía sau đi trên Quốc lộ N tìm Motor để trộm cắp. Khi điều khiển xe mô tô đến gần cầu K, thuộc ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An, H kêu L dừng xe lại. L đứng ngoài xe cảnh giới, H đi bộ vào cuối đường tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến vườn mít của bà Phan Thị D tại ấp K, xã T, H đi bộ vào trong vườn mít thì nhìn thấy có 01 Motor điện nhãn hiệu VINA PUMP, loại 3.0HP đang gắn trên nền xi măng và ống nước không người trông giữ, H nảy sinh ý định trộm cắp Motor trên. Do H không có đem theo kiềm và chìa khóa nên H đi ra kêu L điều khiển xe mô tô chở H về nhà K lấy 01 chìa khóa số 10, 01 mỏ lách bằng kim loại dài 150 mm, 01 kiềm bằng sắt cán được bọc nhựa màu đỏ - đen

và 01 bao nylon. Sau khi chuẩn bị công cụ để trộm cắp tài sản, L điều khiển xe mô tô chở H quay trở lại nơi để M1 trước đó, L ở ngoài xe cảnh giới, H đi vào dùng kìm cắt đứt dây điện kết nối với M1, dùng chìa khóa tháo 03 bulông gắn với nền xi măng và ống nước. Khi tháo xong, H bỏ vào bao nylon đem ra xe mô tô. L điều khiển xe chở H cùng M1 điện vừa trộm cắp được đi về cầu E trên Quốc lộ N thuộc ấp K, xã N để cất giấu, sau đó H và L đi về nhà K nói lại cho K biết đã trộm được 01 Motor đã đem cất giấu. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, K kêu H, L đem Motor vừa trộm được đem giao cho N1. H điều khiển xe mô tô chở L ngồi phía sau quay lại chỗ cất giấu M1 chở đi giao cho N1. Trên đường đi, H và L bị Công an xã N, huyện T tuần tra phát hiện. H điều khiển xe mô tô chở L quay đầu bỏ chạy và ném M1 trộm cắp được xuống mé sông, lực lượng Công an xã N truy đuổi nhưng H, L bỏ chạy thoát. Đến 18 giờ 20 phút, cùng ngày, H và L tự nguyện đến Công an xã N, huyện T đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên. Sau đó, K bỏ đi khỏi địa phương đến ngày 24/12/2022, K tự nguyện đến Công an huyện T đầu thú. Qua điều tra Nguyễn Minh K, Nguyễn Gia H và Nguyễn Phước L tự nguyện khai nhận toàn bộ hành vi như trên.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 07/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 Motor điện nhãn hiệu VINA PUMP loại 3.0 HP, có giá trị còn lại là 2.391.900 đồng.

Ngoài ra, qua điều tra Nguyễn Minh K, Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L tự nguyện khai nhận còn tham gia thực hiện 10 lần trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện T. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng giữa tháng 11/2022 (không xác định cụ thể ngày), K sử dụng xe Future, biển số 62E1-004.40 của ông Nguyễn Văn C (cha ruột K) chở H ngồi phía sau đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đi qua cầu G khoảng 400m, K, H thấy 01 Motor điện, loại 2.0 HP, màu xám gắn ở máy trộn hồ của anh Nguyễn Hoài N2 để trước cửa nhà tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An. K đứng ngoài xe cảnh giới, H đi vào sử dụng chìa khóa 13 tháo lấy 01 Motor chở về nhà K cất giấu. Ngày hôm sau, K chở H đem M1 trộm cắp được đến bán cho Thái Văn T5 được số tiền 700.000 đồng.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 20/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 Motor điện, loại 2.0 HP, màu xám, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 380.000 đồng.

Vụ thứ hai: Cách vụ thứ nhất khoảng 05 ngày (không xác định cụ thể ngày) K lấy xe mô tô, biển số 59N1-639.55 của ông Nguyễn Văn Giúp E (cha ruột H) chở H đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đi đến nhà ông Huỳnh Văn T7 tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An, K, H nhìn thấy 01 Motor điện loại 1.5 HP, màu xanh – xám gắn ở máy trộn hồ của anh Huỳnh Hữu T2 để trước nhà ông T7, K đứng ngoài xe mô tô cảnh giới, H đi vào sử dụng chìa khóa 13 tháo lấy M1 chở về nhà K cất giấu.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 15/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 Motor điện loại 1.5 HP, màu xanh - xám, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 259.000 đồng.

Vụ thứ ba: Cách vụ thứ hai khoảng 03 ngày (không xác định cụ thể ngày) K lấy xe Cub 50, biển số 62AA- 003.43 của Nguyễn Văn C (cha ruột K) chở L đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi vừa qua cầu G, K, L nhìn thấy 01 máy xay lúa, màu xanh dương để trước nhà anh Lê Văn C1 tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An, K đứng ngoài xe mô tô cảnh giới, L đi vào lấy máy xay lúa mang ra lộ. K, L chở về bán cho Thái Văn T5 nhưng T5 không mua.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 22/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 máy xay lúa, màu xanh dương, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 1.634.000 đồng.

Vụ thứ tư: Cách vụ thứ ba khoảng 10 ngày (không xác định cụ thể ngày), H sử dụng xe mô tô, biển số 62AA- 003.43 chở L đi tìm tài sản trộm cắp. Khi chạy đến gần cầu G trước vựa mít của anh Lê Tấn T8 tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An, H, L nhìn thấy 01 Motor điện loại 1.5 HP, màu xám của anh Huỳnh Thanh Q gắn ở máy trộn hồ để cặp đường lộ, L đứng ngoài xe mô tô cảnh giới, H xuống xe sử dụng chìa khóa 13 tháo lấy Motor. Sau đó, H, L đem bán M1 trộm cắp được cho Nguyễn Văn Đ được số tiền 1.000.000 đồng.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 14/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 Motor điện loại 1.5 HP, màu xám, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 1.968.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng đầu tháng 12/2022 (không xác định cụ thể ngày), K lấy xe mô tô, biển số 62AA- 003.43 chở L, H đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến gần cầu P thuộc xã N, huyện T, tỉnh Long An, K, L, H nhìn thấy 01 Motor điện, loại 2.0 HP, màu xanh và 01 máy nén rửa xe để cặp vách cửa trước nhà anh

Nguyễn Minh T4 có lưới B40 bao quanh, K đứng ngoài xe mô tô cảnh giới, H và L leo vào tháo lấy 01 Motor và 01 máy nén rửa xe chở về nhà K cất giấu. Ngày hôm sau, H, L chở 01 Motor và 01 máy nén rửa xe bán cho Thái Văn T5 được số tiền 800.000 đồng.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 01/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 Motor điện, loại 2.0 HP, màu xanh, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 760.000 đồng; 01 máy nén rửa xe, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 1.100.000 đồng. Tổng cộng tài sản có giá trị 1.860.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Cách vụ thứ năm khoảng 04 ngày (không xác định được ngày cụ thể), H sử dụng xe mô tô Future, biển số 62E1-004.40, chở L đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến Kênh G thuộc xã T, huyện T, tỉnh Long An thì nhìn thấy 01 máy xăng nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - trắng và 01 máy nén (rửa xe), màu sơn xám - đỏ - đen của ông Nguyễn Văn M để ở cặp ao gần nhà ông M tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An, H đứng ngoài xe mô tô cảnh giới, L vào dùng kiếm và kéo tháo máy xăng và máy nén rửa xe, chở về nhà K cất giấu.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 14/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 máy xăng nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - trắng, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 580.000 đồng; 01 máy nén (rửa xe), màu sơn xám - đỏ - đen, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 275.000 đồng. Tổng cộng tài sản có giá trị 855.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng giữa tháng 11 (không xác định ngày cụ thể), H sử dụng xe mô tô, biển số 62AA-003.43 chở L đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến công trình xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An phát hiện 01 Motor điện, loại 3.0 HP, màu vàng gắn trên máy trộn hồ của anh Bùi Hoàng S để trước công trình xây dựng. L đứng ngoài xe cảnh giới, H xuống xe sử dụng chìa khóa 13 và mở lách tháo M1 đem về nhà K cất giấu. Khoảng 02 ngày sau K lấy M1 đem bán cho Nguyễn Tấn T9 được số tiền 500.000 đồng.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 16/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 Motor điện, loại 3.0 HP, màu vàng, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 938.000 đồng.

Vụ thứ tám: Ngày 30/11/2022, lợi dụng lúc gia đình không có ai ở nhà L lấy trộm 01 M, loại 1.0 HP, màu xanh của ông Nguyễn Văn L1 (cha ruột L) tại ấp T,

xã N, huyện T, tỉnh Long An đem đến nhà K cất giấu, sau đó K và L đem bán cho Thái Văn T5 nhưng T5 không mua.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 17/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 Motor điện, loại 1.0 HP, màu xanh, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 276.000 đồng.

Vụ thứ chín: Ngày 02/12/2022, H lấy xe mô tô, biển số 62AA-003.43 chở L đi tìm tài sản trộm cắp. Khi đến vườn mít trước nhà nhà ông Ngô Văn H1 tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An, H, L phát hiện 01 Motor điện, loại 1.5 HP, L đứng ngoài xe mô tô cảnh giới, H đi vào sử dụng chìa khóa tháo mang theo tháo trộm M1 đem về nhà K cất giấu.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 05/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 Motor điện, loại 1.5 HP, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 1.216.900 đồng.

Vụ thứ mười: Khoảng giữa tháng 11/2022 (không xác định ngày cụ thể) K sử dụng xe mô tô, biển số 62AA- 00343 chở L, H đi tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến nhà bà Nguyễn Thị T3 tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An K, H, L nhìn thấy 01 Motor điện, loại 1.0 HP, màu xanh gắn ở máy nén rửa xe để trước nhà. K, L đứng ngoài xe mô tô cảnh giới, H đi vào dùng chìa khóa 13 và mở lệch tháo lấy Motor gắn trên máy nén rửa xe. Sau đó, K chở đem đến bán cho Nguyễn Tấn T9 được số tiền 700.000 đồng.

Tại Bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 21/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 Motor điện, loại 1.0 HP, màu xanh, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 876.300 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKSTT, ngày 19/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố các bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi vi phạm pháp luật mà các bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính:

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 36, 50, 91, 100 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Gia H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 36, 50, 58, 91, 100 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Phước L từ 06 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

Đề nghị giao các bị cáo L, H về UBND xã N nơi cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình của các bị cáo phải phối hợp với UBND xã trong thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng trong vụ án:

- Đối với 01 xe mô tô biển số 62AA-00.343, số máy: C508527182, số khung: C50E8527340 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn C (cha ruột bị can K). K, H, L sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ông Nguyễn Văn C không biết nên đề nghị giao trả xe mô tô cho ông C.

- Đối với 01 chìa khóa số 10, một đầu miêng, một đầu tròn; 01 chìa khóa số 13, một đầu miêng, một đầu tròn; 01 mỏ lết 150 mm bằng kim loại, có chiều dài 15 cm; 01 kiềm bằng sắt cán được bọc nhựa màu đỏ - đen của Nguyễn Văn C2, K, H, L sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ông C không yêu cầu nhận lại, không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đề cập.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi bài luận cứ bào chữa cho các bị cáo L, H, cụ thể như sau: Hành vi của hai bị cáo mang tính chất chiếm đoạt, thực hiện lén lút, lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản. Bị cáo H và L trên 16 tuổi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện với lỗi cố ý đối với tội danh quy định tại khoản 1 điều 173 bộ luật hình sự, đủ các yếu tố cấu thành danh mà đại diện viện kiểm sát truy tố. Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy

tổ với hai bị cáo đối với tội trộm cắp tài sản theo quy định trong khoảng 1 điều 173 bộ luật hình sự là đúng người đúng tội đúng quy định pháp luật.

Đối với trách nhiệm hình sự tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo H và L thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội hay bị cáo tự nguyện cho đầu thú với cơ quan chức năng. Thời điểm phạm tội dưới 18 tuổi bản thân, chưa có tiền án tiền sự và cũng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với hai bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội, nhà nước quy định các hình phạt cho họ không mang tính chất trừng trị tội ác hay tước đi quyền được sống quyền tự do của đối tượng này phải đảm bảo nguyên tắc: đảm bảo đảm bảo điều kiện tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục giúp họ sửa chữa sai lầm phát triển lành mạnh trở thành công nhân có ích cho xã hội.

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 54, điều 90, điều 91, điều 101 xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho 2 bị cáo.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo L, H đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm cho các bị cáo, gia đình sẽ cam kết sẽ kèm cặp, quản lý chặt chẽ, giáo dục các bị cáo để các bị cáo không tiếp tục vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo K, H trong thời gian bị tạm giam đã hối hận về hành vi của bản thân, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình, các bị cáo hứa cải tạo tốt. Bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt, cam kết không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy trong khoảng thời gian ngắn từ khoảng giữa tháng 11/2022 đến ngày 06/12/2022, các bị cáo đã liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 11 lần (Mười một lần) trong đó có 01 (Một) lần giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Như vậy, hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian. Do đó, cần cộng tất cả các lần mà các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà chưa được xử lý để xem xét, đánh giá xử lý trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Vì vậy, cần xác định những người là chủ sở hữu tài sản đã bị các bị cáo đã chiếm đoạt mà hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo chưa được xử lý là bị hại trong vụ án, gồm có các ông bà: Phan Thị D, Nguyễn Hoài N2, Huỳnh Thanh Q, Nguyễn Văn M, Bùi Hoàng S, Nguyễn Văn L1, Lê Văn C1, Nguyễn Thị T10, Huỳnh Hữu T2, Nguyễn Minh T4.

[3] Tại phiên tòa, các bị hại Phan Thị D, Nguyễn Hoài N2, Huỳnh Thanh Q, Nguyễn Văn M, Bùi Hoàng S, Nguyễn Văn L1, Lê Văn Cường Nguyễn Thị T11, Huỳnh Hữu T2, Nguyễn Minh T4, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ngô Văn H1, Trần Thị Ú, Thái Văn T5, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T6 vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên trên. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06/12/2022, Nguyễn Minh K rủ Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L đi tìm M1 để trộm cắp, H, L đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, H, L lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 Motor điện nhãn hiệu VINA PUMP loại 3.0 HP của bà Phan Thị D tại ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Tài sản trộm cắp có giá trị 2.391.900 đồng. Ngoài ra, trong thời gian từ khoảng giữa tháng 11 năm 2022 đến ngày 06/12/2022, các bị cáo K, H, L còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 10 lần khác đều trên địa bàn huyện T, tỉnh Long An. Mặc dù giá trị tài sản của từng lần các bị cáo trộm chưa đủ định lượng

để xử lý hình sự nhưng được thực hiện trong khoảng thời gian ngắn, mang tính liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian. Vì vậy, có cơ sở xác định từ giữa tháng 11/2022 đến ngày 06/12/2022 các bị cáo đã thực hiện 11 lần hành vi trộm cắp tài sản. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt được là 12.655.100 đồng. Tuy nhiên, trong đó có 01 lần trộm cắp tài sản của ông Ngô Văn H1, giá trị tài sản là 1.216.900 đồng, Công an huyện T tiếp nhận tin báo từ Công an xã N và đề nghị của Công an xã về việc xử phạt hành chính. Do giá trị tài sản là 1.216.900 đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Công an huyện T đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo. Riêng bị cáo K đã nhờ mẹ của bị cáo K là bà Nguyễn Thị T12 đã nộp tiền phạt hành chính xong với số tiền 2.500.000đ. Như vậy, còn lại 10 lần các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà tổng giá trị tài sản là 11.438.200đ chưa được xử lý.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo thống nhất ý chí, là đồng phạm trong thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò của từng bị cáo nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Các bị cáo 11 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó chỉ có 01 lần giá trị tài sản đủ định lượng để xử lý hình sự nhưng xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 11 lần chỉ trong thời gian ngắn (từ khoảng giữa tháng 11/2022 cho đến ngày 06/12/2022) nên xác định là phạm tội liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian theo hướng dẫn tại Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính. Do đó, cần tổng cộng các lần các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà chưa được xử lý hành chính, hình sự để xử lý chung trong vụ án để đảm bảo tính khách quan, đánh giá toàn diện hành vi, ý thức pháp luật của các bị cáo. Tuy nhiên, sau khi cộng các lần trộm cắp tài sản nêu trên thì giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt vẫn dưới 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nên hành vi phạm tội của các bị cáo vẫn thuộc trường hợp phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tài sản thuộc quyền quản lý, sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo tuổi còn trẻ nhưng không có ý chí lao động, học tập mà lại tụ tập ăn chơi, lười lao động. Các bị cáo thực hiện 11 lần hành vi trộm cắp tài sản chỉ trong khoảng thời gian ngắn, mặc dù chỉ có một lần giá trị tài sản trên 2.000.000đ, còn lại các lần khác tài sản có giá trị dưới 2.000.000đ nhưng hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo còn gây mất an ninh trật tự địa phương, an toàn xã hội, gây bức xúc trong nhân dân. Do đó, hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trên cơ sở xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo khi đồng phạm trong thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo.

[4.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ Luật hình sự:

Bị cáo Nguyễn Minh K rủ rập, xúi giục bị cáo H, L là người thành niên thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, hành vi của K thuộc trường hợp “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H, L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo K, K đã tác động cha mẹ của bị cáo K bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Hoài N2 và đã hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 800.000đ mà ông Đ đã bỏ ra để mua Motor, ông N2 có đơn xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo K nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Bộ Luật hình sự.

Ngoài ra, xét thấy các bị cáo đã đầu thú sau khi bị phát hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Phan Thị D. Đồng thời, các bị cáo đều xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Bị cáo H còn có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, cha mẹ sống ly thân, bị cáo thiếu tình cảm gia đình, sự quan tâm, giáo dục của cha mẹ do cha mẹ không chung sống với nhau. Do đó, các

bị cáo được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[4.3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong đồng phạm:

Bị cáo K là người đã thành niên, đã có nhận thức đầy đủ nhưng đã nhiều lần rủ rê, khởi xướng, xúi giục các bị cáo H, L chưa đủ 18 tuổi đi trộm cắp tài sản, đồng thời K cũng là người thực hành.

Bị cáo H, L là người thực hành tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản các bị cáo dưới 18 tuổi nên nhận thức, tư duy còn hạn chế nên đã nghe lời rủ rê của K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong đó, bản thân bị cáo H đã 08 lần trực tiếp đi trộm cắp tài sản, bị cáo L 06 lần trực tiếp đi trộm cắp tài sản. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo H chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, sợ bị xử phạt tù nên lần trốn, không tham gia phiên tòa xét xử nên bị truy nã nhưng sau đó đã đầu thú. Do đó, hình phạt áp dụng đối với H cần cao hơn L để răn đe, và phòng ngừa chung.

[4.4] Về nhân thân:

Các bị cáo K, L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo K không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Ngày 15/02/2019, bị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 750.000 đồng, bị cáo chưa đóng phạt; Ngày 26/9/2019, bị Công an xã N, huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 750.000 đồng, bị cáo chưa đóng phạt.

[5] Đối với các bị cáo H, L tại thời điểm thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản các bị cáo trên 16 tuổi, dưới 18 tuổi, là người chưa thành niên nên áp dụng các quy định tại Điều của Bộ Luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội để quyết định hình phạt.

[6] Trên cơ sở những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo K mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo K là người thành niên, đã có đủ nhận thức và năng lực hành vi nhưng đã rủ rê, khởi xướng L, H là người chưa thành niên thực hiện 11 lần trộm cắp tài sản, trong đó 01 lần giá trị tài sản trộm cắp trên 2.000.000đ. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và nhằm đảm bảo răn đe, phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối với bị cáo Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L, thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật, tư duy còn hạn chế, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa đã thể hiện sự ăn năn, hối cải. Người đại diện theo pháp luật cũng đã cam kết quản lý, kèm cặp, giáo dục các bị cáo chấp hành tốt quy định pháp luật, không tiếp tục vi phạm. Hội đồng xét xử xét thấy quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên chủ yếu nhằm cải tạo, giáo dục người chưa thành niên, không nhằm mục đích trừng phạt. Do đó, xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo H, L. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú quản lý, giáo dục. Gia đình của các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc quản lý, giáo dục các bị cáo để giúp các bị cáo cải tạo tốt, chấp hành nghiêm pháp luật, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[7] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng căn cứ pháp luật, về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: theo quy định khoản 5 điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[9] Về vật chứng trong vụ án:

[9.1] Đối với 01 xe mô tô biển số 62AA-00.343, số máy: C508527182, số khung: C50E8527340 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn C (cha ruột bị can K). K, H, L sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ông Nguyễn Văn C không biết nên cần giao trả xe mô tô cho ông C.

[9.1] Đối với 01 chìa khóa số 10, một đầu miêng, một đầu tròn; 01 chìa khóa số 13, một đầu miêng, một đầu tròn; 01 mỏ lết 150 mm bằng kim loại, có chiều dài 15 cm; 01 kiềm bằng sắt cán được bọc nhựa màu đỏ - đen của Nguyễn Văn C. K, H, L tự ý lấy sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ông C không yêu cầu nhận lại, xét thấy tài sản không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra ông Nguyễn Minh T4 đã được các bị cáo trả lại tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi được tài sản và đã trả lại cho bị hại Phan Thị D, Huỳnh Thanh Q, Nguyễn Văn M, Bùi Hoàng S, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị T3 đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu

cầu gì thêm. Đối với ông Huỳnh Hữu T2, ông Ngô Văn H1 chưa nhận lại tài sản nhưng không yêu cầu K, H, L bồi thường do giá trị tài sản nhỏ. Đối với ông Nguyễn Hoài N2 cũng đã có văn bản xác nhận đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt, ông không yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Văn Đ đã mua motor do các bị cáo trộm cắp, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi tài sản để trả cho bị hại. Ông Đ đã được ông C, bà T12 là cha và mẹ của bị cáo K bồi thường số tiền 800.000đ. Ông Đ không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

[10] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Thái Văn T5, Nguyễn Tấn T9, Nguyễn Văn Đ mua M1 do K, H, L bán nhưng T5, T9, Đ không biết rõ nguồn gốc tài sản. K, H, L không nói cho T5, T9, Đ biết M1 là tài sản do K, H, L trộm cắp mà có. Đồng thời giá trị tài sản mà K, H, L bán cho T5, T9, Đ có giá trị dưới 2.000.000 đồng. Do đó, hành vi của Thái Văn T5, Nguyễn Tấn T9, Nguyễn Văn Đ không có dấu hiệu phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự nên không xem xét xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính:

2.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Minh K 01 (Một) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 24/12/2022.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Minh K 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2023) để đảm bảo thi hành án.

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 36, 50, 58, 91, 98, 100 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Gia H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án nhưng được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2023 đến ngày 18/8/2023 là 24 (Hai mươi bốn) ngày, quy đổi bằng 72 (Bảy mươi hai) ngày cải tạo không giam giữ, bằng 02 (Hai tháng) 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Gia H còn phải chấp hành 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

2.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 36, 50, 58, 91, 98, 100 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Phước L 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

3. Giao bị cáo Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Phước L, Nguyễn Gia H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Gia H, Nguyễn Phước L, người đại diện hợp pháp cho bị cáo chưa thành niên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Công an huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND xã Nhơn Ninh
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh